CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023

Ngày 10 tháng 4 năm 2024

PHỤ LỤC IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN (INCOMFISH)

Số: 015 /BC.ICF.HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO
Thường niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. Thông tin chung

1. ***Thông tin khái quát***

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
- Tên tiếng Anh: INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION
- Tên viết tắt: INCOMFISH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301805696, đăng ký lần đầu ngày 01/9/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 15/11/2022.
- Vốn điều lệ: 128.070.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 128.070.000.000 đồng
- Địa chỉ: Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: (028) 3765 3145
- *Website*: www.incomfish.com
- Email: incomfish@incomfish.com
- Mã cổ phiếu: ICF
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish) được thành lập ngày 01/9/1999 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng thủy hải sản đông lạnh. Là Công ty được thành lập trên cơ sở đóng góp của các cổ đông là thể nhân và pháp nhân mới dưới hình thức Công ty cổ phần theo Luật Doanh nghiệp.

Đến năm 2001, căn cứ theo kế hoạch định hướng khi thành lập nhằm đảm bảo phát triển Công ty bền vững và lâu dài, đồng thời để chủ động nguồn cung cấp sản phẩm cho xuất khẩu, Công ty đã triển khai Dự án xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Sau hơn một năm xây dựng từ năm 2001 đến tháng 6/2002, Nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh xuất khẩu với công suất sản xuất ổn định các mặt hàng có giá trị gia tăng từ 6.000 - 6.500 tấn/năm đã đi vào sản xuất thử, sau đó đi vào sản xuất chính thức từ đầu năm 2003 cho đến nay. Nhà máy Incomfish được đầu tư để chế biến thủy hải sản, thực phẩm với đa dạng sản phẩm, được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ.

Ngay từ khi bắt đầu hoạt động, Công ty Incomfish đã áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng xuyên suốt trong quá trình sản xuất để đảm bảo đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm như: HACCP, BRC (Brittish Retail Consortium), ISO 9001:2008, IFS (International Food Standards), ACC (Aquaculture Certificate Council), MSC (Marine Stewardship Council). Ngoài ra, từ năm 2008 Công ty triển khai thực hiện và đã đạt tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội - SA 8000 (Social Accountability); Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005. Do điều kiện thị trường xuất khẩu, công ty duy trì thường xuyên các chứng nhận BRC và được đánh giá từ các tổ chức đánh giá độc lập. Cuối năm 2019 do yêu cầu mới của thị trường, Công ty đã triển khai thực hiện đánh giá tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội theo BSCI (Business Social Compliance Initiative) và đánh giá của Costco Wholesale Corporation và chứng nhận MSC (Marine Stewardships Council) đạt kết quả tốt và tiếp tục duy trì tái đánh giá cho đến hiện tại.

Với mặt hàng chủ lực là các sản phẩm giá trị gia tăng bán vào thị trường Châu Âu, Nhật Bản, Mỹ và một số thị trường đặc biệt khó tính khác, … đã tạo cho Công ty Incomfish có lợi thế cạnh tranh cao so với các nhà máy khác trong nước và khu vực.

Công ty Incomfish đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sản phẩm thủy sản vào thị trường EU, Mỹ, Canada, Nhật, Hàn quốc, Trung quốc, … với các code DL189, DL368, NM188 và HK187. Công ty là thành viên của Hiệp hội chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP) và Phòng Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI).

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận số 47/TTGDHN-ĐKGD ngày 29/11/2006 về việc được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đã giao dịch phiên đầu tiên vào ngày 18/12/2006. Sau một năm giao dịch tại Hà Nội, Công ty đã chuyển về giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của HOSE và bắt đầu giao dịch tại HOSE từ ngày 18/12/2007 cho đến ngày 11/4/2019. Từ ngày 14/5/2019 đến nay giao dịch Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 262/QĐ-SGDHN.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (các ngành nghề kinh doanh chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 2 năm gần nhất)

- Chế biến, bảo quản thủy sản các sản phẩm từ thủy sản, thực phẩm;

- Địa bàn kinh doanh: phần lớn xuất khẩu sang các thị trường EU, Nhật bản, Mỹ, Canada, Trung Quốc và các thị trường khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần mà luật pháp qui định.

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn và dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. ĐHĐCĐ bầu ra Hội đồng Quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

- Hội đồng Quản trị: có chức năng quản trị cao nhất trong Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ; quyết định bộ máy điều hành của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

Hội đồng Quản trị Công ty gồm các thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Kim Xuân — Chủ tịch
- Ông Đặng Việt Hùng — Thành viên
- Ông Nguyễn Khoa Đinh Hoàng — Thành viên độc lập
- Bà Nguyễn Thị Kim Thu — Thành viên

- Ban Kiểm soát: là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và điều hành công ty.

Ban Kiểm soát gồm các thành viên:

- Bà Nguyễn Thị Nhung — Trưởng ban
- Ông Nguyễn Thế Phong — Thành viên
- Bà Lê Thị Thu Vân — Thành viên

b) Cơ cấu bộ máy quản lý:

- Ban Điều hành Công ty:
  - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
  - Ông Đặng Việt Hùng - Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Phó Tổng Giám đốc, Thành viên Hội đồng Quản trị
  - Bà Phạm Thị Bích Phượng - Kế toán trưởng
- Các Phòng ban chức năng và Bộ phận trực thuộc:
  - Bộ phận Kinh doanh
  - Bộ phận Tài chính
  - Bộ phận Quản trị
  - Bộ phận Quản lý chất lượng
  - Bộ phận Dịch vụ sản xuất
  - Nhà máy sản xuất

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Duy trì và từng bước củng cố ổn định sản xuất kinh doanh, chú trọng tiết kiệm chi phí để nâng cao tính cạnh tranh.
- Sử dụng nguồn vốn phù hợp với tính chất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả tối ưu trong điều kiện hiện tại.
- Giảm thiểu hàng tồn kho thành phẩm/bán thành phẩm.
- Từng bước xây dựng và phát triển mảng kinh doanh nội địa.
- Thực hiện đúng các chế độ tài chính kế toán theo qui định của nhà nước, thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước.
- Không ngừng nâng cao đời sống cho Người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Khai thác tối đa công suất thiết bị, diện tích nhà xưởng.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với mô hình của Công ty để giúp Incomfish gia tăng thế mạnh của mình, khôi phục sự phát triển của Công ty trong thời gian ngắn nhất.
- Trong điều kiện thiếu vốn mua nguyên liệu, công ty hướng tới việc hợp tác gia công chế biến xuất khẩu với khách hàng nước ngoài và gia công trong nước.
- Tăng cường quản lý và không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trong và ngoài nước.
- Hướng tới sự phát triển lâu dài và bền vững trong ngành thực phẩm, cung cấp sản phẩm sạch với ý thức tham gia bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

- Hưởng ứng và tham gia các hoạt động về bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, thực hiện chính sách tiết kiệm năng lượng, chống lãng phí nguyên nhiên vật liệu.
- Duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể để phục vụ quyền lợi chính đáng của Người lao động.
- Từng bước cải thiện kết quả kinh doanh nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

5. Các rủi ro

- Nguồn nguyên liệu trong nước không ổn định và cạnh tranh gay gắt cả về lượng và giá.
- Rào cản kỹ thuật, thương mại và các yêu cầu về nhiều tiêu chuẩn khác nhau tại các thị trường lớn ngày càng cao làm tăng chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí thực hiện duy trì,…
- Cạnh tranh gay gắt quốc tế về giá bán xuất khẩu vì giá thành sản xuất của Việt Nam cao hơn nhiều so với các nước trong khu vực.

- Sự phát triển về kinh tế, văn hóa, giáo dục và xã hội của đất nước đã chuyển dịch người lao động từ trực tiếp sản xuất sang các ngành nghề dịch vụ và kinh doanh nhỏ, … gây nên sự thiếu hụt nghiêm trọng nguồn lao động trực tiếp sản xuất lâu dài và có tay nghề.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2023 kết thúc trong điều kiện tình hình hoạt động kinh doanh của công ty gặp rất nhiều khó khăn cùng với sự ảnh hưởng suy giảm kinh tế chung của thế giới, các đơn hàng giảm mạnh do thị trường tiêu thụ giảm.
- Nguồn vốn lưu động vẫn đang phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng với xu hướng giảm dần hạn mức.
- Chi phí đầu vào như điện, nước cấp, nước thải, xăng dầu, … tăng định kỳ hàng năm, trong khi tính chất ngành nghề chế biến thủy sản chủ yếu tiêu thụ nguồn điện, nước và nước thải rất lớn.
- Chi phí bán hàng tăng do biến động cước vận chuyển tăng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng.
- Sau gần 20 năm hoạt động, cơ sở hạ tầng xuống cấp, các chi phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng đều tăng.
- Chi phí duy trì các chứng nhận, tiêu chuẩn hàng năm tăng.
- Phát sinh thêm chi phí các yêu cầu khác của thị trường xuất khẩu ngày càng nhiều.
- Đặc thù của nghành thủy sản, lao động vào ra liên tục nên không có tay nghề năng suất lao động không cao phải bù đắp chi phí học việc.
- Bộ máy quản lý của công ty tương đối ổn định, hoạt động hiệu quả và có tinh thần chia sẻ khó khăn chung với Công ty.
- Các chỉ tiêu tài chính năm 2023 đều không đạt được so với kế hoạch đề ra.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện các năm		So sánh (%)	
			2023	2022	Kế hoạch	Cùng kỳ
Doanh số xuất khẩu	triệu usd	2.5	1.7	2.1	68.88	82.00
Doanh thu	tỷ đồng	80.5	51.0	61.2	63.35	83.33
Sản xuất và gia công	tấn	900	623	805	69.26	77.44
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	1,0	0.3	(0.9)	28.70	

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trình độ	Thâm niên công tác	Chức vụ	Sở hữu CP (%)
1	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Nữ	24/06/1959	Kỹ sư thủy sản	1999	TGĐ (miễn nhiệm ngày 09/9/2022)	18.34
2	Ông Đặng Việt Hùng	Nam	08/02/1963	Kỹ sư Nhiệt	2000	TGĐ (bổ nhiệm ngày 09/9/2022)	0.03
3	Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Nữ	15/04/1961	Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kinh tế	2002	Phó TGĐ	7.57
4	Bà Phạm Thị Bích Phượng	Nữ	19/07/1986	Cử nhân Kinh tế	2018	KTT	0.00

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không
- Số lượng cán bộ công nhân viên và cơ cấu lao động:
  - Số lượng người lao động: Tại thời điểm 31/12/2023: 105 người
  - Cơ cấu lao động:

Trình độ	Số người	Tỷ lệ
Trên đại học	03	2.9%
Đại học	24	22.9%
Cao đẳng và Trung cấp	18	17.1%
Lao động phổ thông	60	57.1%

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: trong năm không có các khoản đầu tư lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết:

- Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000 USD, số vốn thực góp đến nay vẫn là 900,000.00 USD (tương đương 14.992.000.000 đồng), không thay đổi.
- Khoản đầu tư này hoạt động không hiệu quả do mặt hàng tôm xuất khẩu vào Mỹ bị áp thuế chống bán phá giá. Công ty Incomfish US phải đóng thuế bán phá giá của những năm đầu và Công ty vẫn phải duy trì theo đuổi vụ kiện tôm đến nay là giai đoạn thứ 17 (POR-17).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	197.5	194.3	(1.61)
Doanh thu thuần	61.2	48.9	(20.03)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.0	12.0	(7.73)
Lợi nhuận khác	(0.6)	(0.2)	(70.63)
Lợi nhuận trước thuế	(0.9)	0.3	
Lợi nhuận sau thuế	(0.9)	0.3	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	(71)	21	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
* Hệ số thanh toán ngắn hạn	2.86	3.02	
Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn			
* Hệ số thanh toán nhanh	0.27	0.12	
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
* Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0.57	0.56	
* Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1.33	1.29	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
* Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	0.34	0.27	
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0.31	0.25	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	-1.48%	0.01	
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	-1.07%	0.003	
* Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	-0.46%	0.001	
* Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-0.45%	0.01	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

Tổng số lượng cổ phần đang lưu hành: 12.807.000 cổ phần *(Mười hai triệu tám trăm lẻ bảy ngàn cổ phần).*

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	05	12,933	0.10
3	Cổ đông là thành viên HĐQT	03	3,322,862	25.95
4	Cổ đông cá nhân	1375	9,124,445	71.24
5	Cổ đông nước ngoài	25	346,760	2.71
6	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng cộng	**1,408**	**12,807,000**	**100.00**
Trong đó cổ đông lớn (nắm giữ trên 5% CP)		05	5,948,562	46.45

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 386.5 tấn

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp, gián tiếp:

STT	Loại năng lượng	ĐVT	Số lượng tiêu thụ
1	Điện	kWh	2,096,327
2	Xăng	lít	2,500
3	Dầu DO	lít	160
4	Gas lạnh (NH3)	kg	4,000
5	Gas	kg	2,317

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Nguồn cung cấp nước	ĐVT	Số lượng tiêu thụ
1	Nước sạch Khu Công nghiệp	m^3	34,568
2	Nước thải	m^3	24,198

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến Người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với Người lao động:

- Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến 31/12/2023: 105 người
- Thu nhập bình quân của Người lao động/tháng: 8.000.000 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của Người lao động:

- Công ty triển khai thực hiện tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội theo BSCI và Cotsco từ cuối năm 2019 và duy trì đến hiện tại. Mỗi năm tái đánh giá đạt kết quả tốt.

- Duy trì đội ngũ lao động tay nghề cao, gắn bó lâu dài với công ty. Thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN; khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm và 1 lần/năm tùy đối tượng theo qui định.
- Ngoài bữa ăn trưa, Công ty tiếp tục duy trì bữa ăn sáng cho công nhân trực tiếp sản xuất; nếu tăng ca sau 18g30 sẽ tổ chức bữa ăn chiều cho công nhân. Hỗ trợ tiền thuê nhà hoặc xăng xe cho công nhân viên. Tặng quà sinh nhật, chăm lo quà tết, hỗ trợ vé xe cho công nhân về quê ăn tết, thưởng lễ cho Người lao động, ...
- Tạo điều kiện cho tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên hoạt động đem lại lợi ích tinh thần cho Người lao động.

c) Hoạt động đào tạo Người lao động:

- Công ty thực hiện đầy đủ các quy định trong việc duy trì đào tạo bên ngoài, đào tạo nội bộ định kỳ cho Người lao động về An toàn vệ sinh thực phẩm, An ninh thực phẩm, An ninh nhà máy, An toàn vệ sinh lao động, diễn tập PCCC, diễn tập xử lý tình huống khẩn cấp, ...
- Thành lập Ban An toàn vệ sinh lao động theo NĐ 44/2016/CP, thành lập Đội PCCC theo TT 66/2014/TT-BCA, thành lập và đào tạo Đội sơ cấp cứu theo TT 19/2016/TT-BYT để ứng phó các tình huống, sự cố có thể xảy ra và tạo môi trường làm việc an toàn cho Người lao động cũng như bảo vệ tài sản Công ty khi có sự cố xảy ra.
- Số giờ đào tạo trung bình theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

+ Đào tạo PCCC: 400 giờ/25 người (2 năm/lần).

+ Đào tạo lực lượng sơ cấp cứu định kỳ (02 năm/lần): 24 giờ/03 người. Đào tạo sơ cấp cứu cho công nhân 4 giờ/người (năm/lần): 292 giờ

+ Đào tạo ATLĐ cho 05 nhóm (02 năm/lần) và cho toàn thể cán bộ công nhân viên (năm/lần): 428 giờ

+ Đào tạo An toàn vệ sinh thực phẩm định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên (năm/lần): 824 giờ

+ Diễn tập ứng phó với tình huống khẩn cấp: 320 giờ

+ Phổ biến kiến thức liên quan đến các tiêu chuẩn Trách nhiệm xã hội, tiêu chuẩn ATVSTP công ty đang áp dụng định kỳ (năm/lần) và khi phát sinh các vấn đề mới cần cập nhật.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ Người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: Công ty cử nhân viên nghiệp vụ tham gia các khóa đào tạo cập nhật kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và tạo điều kiện để Người lao động tham gia các khóa đào tạo tại chức nhằm nâng cao trình độ.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng và địa phương, tham gia các hoạt động trong điều kiện khả năng của Công ty và vận động Người lao động cùng tham gia.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết thúc năm 2023, mặc dù Công ty vẫn duy trì được một số thị trường và các khách hàng truyền thống nhưng các chỉ tiêu tài chính không đạt được kế hoạch đã đề ra và không hiệu quả. Lý do:

+ Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nặng nề của tình hình thế giới.

+ Thị trường châu Âu giảm sút đáng kể do chủ trương quản lý vùng khai thác, siết chặt việc kiểm tra khai báo và giấy chứng nhận nguồn gốc nguyên liệu đánh bắt.

+ Thị trường Mỹ vẫn áp dụng thuế chống bán phá giá mặt hàng tôm nên Công ty không thể cạnh tranh giá với các quốc gia và các doanh nghiệp có mức thuế thấp hơn mặc dù Công ty vẫn phải duy trì hợp tác với Vasep theo đuổi vụ kiện và đóng phí luật sư hàng năm theo từng giai đoạn, đến nay là POR 17.

+ Các mặt hàng cho thị trường Nhật quá tỉ mỉ nên chi phí sản xuất cao, sản lượng thấp.

1.2 Kết quả thực hiện năm 2023:

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh (%)
Doanh số xuất khẩu	triệu usd	2.5	1.7	68.88
Doanh thu	tỷ đồng	80.5	51.0	63.35
Sản lượng sản xuất	tấn	900	623	69.26

2. Tình hình tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

MẪU B 01 – DN

Đơn vị: VNĐ

	TÀI SẢN	Mã số	*Thuyết minh*	31/12/2023	01/01/2023
A	**- TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**154.833.972.622**	**155.298.645.496**
I	***. Tiền và các khoản tương đương tiền***	**110**	**V.1**	**74.230.717**	**1.921.990.476**
1	. Tiền	111		74.230.717	1.921.990.476
2	. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II	***. Đầu tư tài chính ngắn hạn***	**120**	**V.2.1**	**321.940.800**	**203.080.878**
1	. Chứng khoán kinh doanh	121		531.000.000	531.000.000
2	. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(209.059.200)	(327.919.122)
III	***. Các khoản phải thu ngắn hạn***	**130**		**10.159.649.652**	**4.283.680.912**
1	. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	9.361.076.716	3.759.637.311
2	. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	3.570.118.000	3.223.278.000
3	. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	1.108.994.126	1.181.304.791
4	. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.880.539.190)	(3.880.539.190)
IV	***. Hàng tồn kho***	**140**	**V.7**	**135.795.954.118**	**140.652.542.763**
1	. Hàng tồn kho	141		150.119.550.671	154.976.139.316
2	. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(14.323.596.553)	(14.323.596.553)
V	***. Tài sản ngắn hạn khác***	**150**		**8.482.197.335**	**8.237.350.467**
1	. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.12.1	8.451.884.364	8.190.905.714
2	. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12.2	30.312.971	46.444.753
B	**- TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**39.481.447.208**	**42.192.281.293**
I	***. Các khoản phải thu dài hạn***	**210**		-	-
II	***. Tài sản cố định***	**220**		**18.656.236.744**	**21.367.070.829**
1	. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	11.294.421.321	13.646.247.205
	- Nguyên giá	222		*119.869.454.657*	*119.826.404.657*
	- Giá trị hao mòn luỹ	223		*(108.575.033.336)*	*(106.180.157.452)*

	kế				
2	. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	7.361.815.423	7.720.823.624
	- Nguyên giá	228		*15.210.878.493*	*15.210.878.493*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	229		*(7.849.063.070)*	*(7.490.054.869)*
III	***. Bất động sản đầu tư***	**230**		-	-
IV	***. Tài sản dở dang dài hạn***	**240**		-	-
V	***. Đầu tư tài chính dài hạn***	**250**	**V.2.2**	**20.825.210.464**	**20.825.210.464**
1	. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		14.992.000000	14.992.000000
2	. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		22.219.425.650	22.219.425.650
3	. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(16.386.215.186)	(16.386.215.186)
VI	***. Tài sản dài hạn khác***	**260**		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**194.315.419.830**	**197.490.926.789**

Đơn vị: VNĐ

	NGUỒN VỐN	Mã số	*Thuyết minh*	31/12/2023	01/01/2023
C	**- NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**109.308.399.100**	**112.758.836.611**
I	***. Nợ ngắn hạn***	**310**		**51.224.964.635**	**54.351.817.857**
1	. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	16.573.166.074	19.486.310.053
2	. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.455.289.175	2.210.590.774
3	. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	213.362.645	211.102.766
4	. Phải trả người lao động	314		1.800.880.629	1.152.124.101
5	. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.a	8.402.651.219	7.844.667.109
6	. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	17.807.569.345	18.316238.506
7	. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	4.972.045.548	5.130.784.548
II	***. Nợ dài hạn***	**330**		**58.083.434.465**	**58.407.018.754**
1	. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.b	46.813.001.514	46.812.214.514
2	. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	11.270.432.951	11.594.804.240

D	**- VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**85.007.020.730**	**84.732.090.178**
I	***. Vốn chủ sở hữu***	**410**	**V.19**	**85.007.020.730**	**84.732.090.178**
1	. Vốn góp của chủ sở hữu	411		128.070.000.000	128.070.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.070.000.000	*128.070.000.000*
2	. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.156.097.000	24.156.097.000
3	. Quỹ đầu tư phát triển	418		21.221.178.468	21.221.178.468
4	. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(88.440.254.738)	(88.715.185.290)
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(88.715.185.290)	*(87.806.652.946)*
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		*274.930.552*	*(908.532.344)*
II	***. Nguồn kinh phí và quỹ khác***	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**194.315.419.830**	**197.490.926.789**

a) Tình hình tài sản:

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản: không biến động.

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ ngắn hạn giảm do nợ Nhà cung cấp nhập khẩu nguyên liệu dự trữ cho sản xuất đã xuất khẩu trong năm và giảm nợ vay ngân hàng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Tiếp tục nâng cao vai trò quản trị của Ban điều hành Công ty, chú trọng tiết kiệm chi phí tối đa. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tuy không đạt được như kế hoạch đã đề ra nhưng là nỗ lực của Ban điều hành để vượt qua khó khăn trong năm.
- Cố gắng duy trì, phát triển sản phẩm chủ lực có lợi thế như sản phẩm chế biến giá trị gia tăng.
- Khai thác hiệu quả lợi ích từ tài sản và thiết bị sẵn có như gia công chế biến hàng xuất khẩu cho khách nội địa.
- Tiếp tục hợp tác, liên kết với các khách hàng tiềm năng trong và ngoài nước đảm bảo lợi ích của cả các bên.
- Tìm giải pháp, kế hoạch thu hút nguồn lao động phổ thông có tay nghề đáp ứng nhu cầu kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong năm 2024, Công ty tiếp tục củng cố sản xuất, duy trì hợp tác gia công với các đối tác tiềm năng; phát triển thị trường và mặt hàng, khách hàng mới.
- Chú trọng năng suất lao động của công nhân, giảm chi phí sản xuất để có lợi nhuận.
- Quan tâm giảm phát thải CO□ góp phần bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải, ...):

- Công ty luôn chủ trương tiết kiệm năng lượng mặc dù do tính chất ngành nghề sử dụng chủ yếu là năng lượng điện và nước với số lượng lớn. Hơn nữa để chấp hành đúng luật pháp về việc bảo vệ môi trường, lượng nước thải đầu ra phải đạt qui định nên chi phí xử lý nước thải thường xuyên cao.
- Về năng lượng điện: Công ty hướng tới việc sử dụng năng lượng mặt trời khi có đủ điều kiện và thực sự hiệu quả.
- Lượng phát thải khí nhà kính khoảng 1,527 tấn CO2 từ sử dụng điện, gas, xăng, dầu DO, ... nhưng lượng phát thải chủ yếu từ sử dụng điện mua.
- Hấp thụ khí CO2 từ cây xanh: khoảng 05 tấn

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề Người lao động:

- Luôn tuân thủ các qui định về quyền lợi và nghĩa vụ đối với Người lao động phù hợp với luật pháp và các tiêu chuẩn quốc tế.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng/địa phương và tham gia các phong trào do cộng đồng/địa phương vận động trong điều kiện khả năng của Công ty, vận động Người lao động cùng tham gia.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2023 tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt trên thị trường xuất khẩu và trong nước.
- Khó khăn về tài chính vẫn là áp lực lớn trong điều kiện hoạt động hiện tại của Công ty, nguồn vốn lưu động vẫn phụ thuộc vào nguồn vay ngân hàng với xu hướng giảm dần hạn mức vay. Công ty phải vay thêm các nguồn vay cá nhân khác để bù cho nguồn vốn vay ngân hàng.
- Công ty tiếp tục duy trì các Chứng nhận đánh giá chất lượng của các Tổ chức đánh giá quốc tế theo đúng định kỳ. Tuy nhiên, việc này đồng nghĩa với việc chi phí kiểm soát chất lượng sản phẩm tăng ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm và lợi nhuận của công ty.

- Để thu hút lượng lao động phổ thông, công ty đã đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ công nhân nhưng chưa đạt kết quả cao.

2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Hội đồng Quản trị thường xuyên theo dõi và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.
- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đều có trình độ, được đào tạo về chuyên môn và có thâm niên trong nghề.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phù hợp với chuyên môn và năng lực của từng vị trí.
- Ban Tổng Giám đốc thường xuyên thực hiện họp giao ban để tổng kết và triển khai công việc để kịp thời giải quyết những vướng mắc hoặc khó khăn của các Bộ phận.
- Ban Tổng Giám đốc cùng các thành viên trong bộ máy quản lý luôn nỗ lực thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm mà Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị giao phó.
- Trong điều kiện khó khăn của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đã cố gắng phát huy hết năng lực và kinh nghiệm, không ngại khó cùng nhau đoàn kết vượt qua khó khăn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị

- Duy trì và phát triển các thị trường và khách hàng hiện có. Tìm kiếm thêm các khách hàng tiềm năng phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty.
- Đưa ra và giám sát chặt chẽ các biện pháp cụ thể để giảm chi phí, phát huy và sử dụng hữu ích tài nguyên sẵn có của Công ty.
- Củng cố bộ máy quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn của các Bộ phận như vai trò kiểm soát nội bộ, điều hành quản lý sản xuất, quản lý kinh doanh, quản lý vật tư, hàng tồn kho, …
- Tăng cường hợp tác, liên kết trong và ngoài nước, chủ động nắm bắt cơ hội.
- Lựa chọn nhà đầu tư chiến lược phù hợp với mô hình của Công ty để giúp Incomfish gia tăng thế mạnh của mình, khôi phục sự phát triển của Công ty trong thời gian tới.

*** Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:**

- Kim ngạch xuất khẩu : 2,5 triệu USD
- Doanh thu : 60 tỷ đồng
- Sản xuất và gia công : 750 tấn
- Lợi nhuận sau thuế : 1 tỷ đồng

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng Quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị: gồm các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch	2,348,522	18.34	
2	Đặng Việt Hùng	Thành viên	4,340	0.03	
3	Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	970,000	7.57	
4	Nguyễn Khoa Đinh Hoàng	Thành viên	-	-	Thành viên độc lập

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Hội đồng Quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban, mỗi thành viên hoạt động theo sự phân công của Hội đồng Quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng Quản trị: trong năm 2023 Hội đồng Quản trị đã triển khai các cuộc họp định kỳ và đột xuất để triển khai thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Kim Xuân	Chủ tịch	6/6	100	
2	Ông Nguyễn Khoa Đinh Hoàng	Thành viên	5/6	100	Bận việc
3	Bà Nguyễn Thị Kim Thu	Thành viên	6/6	100	
4	Ông Đặng Việt Hùng	Thành viên	6/6	100	

- Hội đồng Quản trị xem xét, giám sát các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng tháng trong năm 2023; các BCTC Quý 1/2023, Quý 2/2023, Quý 3/2023 và Quý 4/2023.
- Hội đồng Quản trị dự các cuộc họp của Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh và giao ban hàng tháng.
- Các quyết định, nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong năm 2023:

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ HĐQT 2023/ICF	13/01/2023	Không chi trả lương năm 2022 cho 02/04 thành viên HĐQT.	
2		19/4/2023	Gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 chậm nhất là ngày 30/6/2023	
3	09/NQ HĐQT 2023/ICF	05/5/2023	Thống nhất thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	
4	09.1/NQ HĐQT 2023/ICF	09/5/2023	Thống nhất lại thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	
5	16/NQ HĐQT 2023/ICF	21/7/2023	Thống nhất chọn Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán & Kiểm toán phía Nam (AASCS) để soát xét BCTC bán niên kết thúc ngày 30/6/2023 và kiểm toán BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023	
6		29/12/2023	Tổng kết hoạt động SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024.	

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Thành viên độc lập của HĐQT đã tham gia đầy đủ các hoạt động của HĐQT công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát: gồm các thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng ban	1,000	0.01	
2	Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên	4,000	0.03	
3	Bà Lê Thị Thu Vân	Thành viên	203,270	1.59	

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự
1	Bà Nguyễn Thị Nhung	Trưởng ban	3/3	100	
2	Ông Nguyễn Thế Phong	Thành viên	1/3	33.3	Bận việc
3	Bà Lê Thị Thu Vân	Thành viên	3/3	100	

- Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 được tiến hành một cách chủ động theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Ban Kiểm soát họp định kỳ cùng Hội đồng Quản trị và Ban điều hành; kiểm tra giám sát chấp hành nghĩa vụ của doanh nghiệp, báo cáo tài chính, công bố thông tin, việc chấp hành giao dịch cổ phiếu của những người có liên quan đến Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng Công ty; giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.
- Về tình hình tài chính (theo báo cáo đã được kiểm toán):

+ Các báo cáo tài chính: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh Báo cáo Tài chính được thực hiện đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, hợp pháp trong việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, lập Báo cáo Tài chính năm.

+ Công tác kế toán: đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của nhà nước. Báo cáo tài chính năm 2023 được lập trên hệ thống phần mềm kế toán của CN Công ty Cổ phần Phát triển phần mềm ASIA và được kiểm toán bởi Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán & Kiểm toán phía Nam (AASCS).

- Nhận xét về tình hình hoạt động công ty:

+ Về công bố thông tin: Trong năm 2023 công ty thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo qui định, đôi lúc bị chậm trễ do nguyên nhân khách quan. Công ty đã khắc phục đảm bảo đúng thời gian quy định, đáp ứng cho cơ quan quản lý và nhà đầu tư.

+ Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn được sự phối hợp, thông tin đầy đủ từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Bộ phận.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Tổng thu nhập của HĐQT và Ban TGĐ: 780.129.000 đồng
- Tổng thu nhập của BKS: 231.484.000 đồng
- Trong năm 2023 HĐQT, Ban TGĐ và BKS không có thù lao.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Từng bước hoàn thiện các qui chế quản trị Công ty theo qui định, tăng cường vai trò giám sát của Ban Kiểm toán nội bộ để hạn chế tối đa các sai sót trong quản trị và sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất cho Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các Báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản** ("Công ty"), được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

(đã ký và đóng dấu)

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán*

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Chi tiết về Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023 xin vui lòng xem tại trang web: www.incomfish.com

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

Nơi nhận:
- UBCKNN, SGD CKHN,
- TV. HĐQT, Trưởng BKS,
- Lưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
DN: c=VN, l=TPHCM, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301805696, email=PHAMKHANHHOA.IME@GMAIL.COM
Date: 2024.04.10 17:04:54 +07'00'